

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 1883 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Trường Hưng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Trường Hưng tại Công văn số 27/CV-TH ngày 10 tháng 02 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 573/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Trường Hưng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Trường Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bồ Trạch, tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND xã Bồ Trách; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Trường Hưng; Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *HC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP TRƯỜNG HUNG
(kèm theo Quyết định số ~~1883~~ /QĐ-UBND ngày **20** tháng **5** năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dịch vụ tổng hợp Trường Hưng
- Địa điểm thực hiện: Xã Bồ Trạch, tỉnh Quảng Trị.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Trường Hưng.

1.2. Quy mô, công suất

Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Trường Hưng có diện tích 28.264,2m² thuộc xã Bồ Trạch, tỉnh Quảng Trị, được giới hạn bởi các điểm, có tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3° như sau:

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1949953,34	538400,59	16	1950004,09	538588,48
2	1949976,89	538396,56	17	1949988,71	538589,95
3	1949988,86	538408,05	18	1949957,14	538591,50
4	1950004,87	538416,89	19	1949958,87	538557,73
5	1950015,21	538417,24	20	1949960,30	538529,74
6	1950028,38	538427,21	21	1949959,73	538521,27
7	1950049,34	538424,51	22	1949960,23	538512,29
8	1950053,27	538427,04	23	1949961,12	538496,27
9	1950114,17	538504,16	24	1949961,29	538491,73
10	1950140,83	538534,11	25	1949961,34	538486,37
11	1950148,75	538550,22	26	1949960,75	538474,12
12	1950160,60	538588,32	27	1949960,68	538473,35
13	1950130,58	538597,64	28	1949959,09	538455,42
14	1950077,31	538612,59	29	1949955,41	538417,12
15	1950017,30	538588,11			

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

Dự án gồm các hạng mục chính sau: Khu dịch vụ tổng hợp có diện tích 4.678,2m²; khu nghỉ lưu trú có diện tích 9.084,6m²; khu bể bơi có diện tích 1.293,6m²; khu công viên cây xanh, thể thao, vui chơi giải trí có diện tích 8.430,0m²; đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe có diện tích khoảng 4.777,8m².

1.3.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.
- Hoạt động san nền, đào đắp.
- Hoạt động vận chuyển phục vụ dự án.
- Hoạt động của máy móc thiết bị thi công cơ giới.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.
- Hoạt động vận hành của khu dịch vụ tổng hợp, hoạt động của cán bộ, công nhân viên và khách hàng tại khu dịch vụ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyên mục đích sử dụng đất thuộc vùng đệm của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Quá trình thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển phục vụ dự án và sinh hoạt của công nhân trên công trường... làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn bề mặt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của các phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng đến vui chơi, giải trí; vận hành các hạng mục công trình của dự án... làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công trên công trường với lượng phát sinh tối đa khoảng $3\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5 , COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng Coliform, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ các hoạt động thi công, bao gồm: nước thải từ các hoạt động trộn bê tông, vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình, nước xịt rửa bánh xe... với lưu lượng tối đa khoảng $0,25\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng tại dự án với tổng lượng phát sinh tối đa khoảng $19,93\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5 , COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng Coliform, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, quá trình thi công các hạng mục của dự án, từ bãi chứa nguyên vật liệu và các máy móc, thiết bị thi công... Thông số đặc trưng ô nhiễm: Bụi, CO, SO_2 , NO_2

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Bụi và khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, máy phát điện dự phòng, mùi hôi phát sinh tại các thùng chứa rác, nhà vệ sinh, các bể xử lý nước thải. Thông số đặc trưng ô nhiễm: Bụi, CO, SO_2 , NO_2

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng để thi công xây dựng chủ yếu sinh khối thực vật như thân, cành, rễ, lá, cây bụi, thảm cỏ... khoảng $137,7\text{m}^3$.

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động trên công trường gồm giấy loại, bao bì, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt loại thải... với khối lượng ước tính khoảng $15,6\text{ kg/ngày}$.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng với khối lượng khoảng $1,05\text{ tấn}$. Thành phần chủ yếu gồm: gạch vụn, vữa, cát, đá rơi vãi, bao bì thải bỏ, gỗ thải, kim loại thải...

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là giấy loại, rau, hoa quả hư hỏng, thực phẩm dư thừa, bao bì, túi nilon, hộp nhựa,... phát sinh trong quá trình tổ chức ăn uống, vui chơi, giải trí... với khối lượng khoảng 62,4kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công chủ yếu là giẻ lau dính dầu, dầu nhiên liệu thải, bóng đèn huỳnh quang hư,... với khối lượng khoảng 8,5kg/tháng.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy thải, các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử, giẻ lau dính dầu,... với khối lượng phát sinh khoảng 15kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là các thiết bị khoan cắt, trộn bê tông... tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường nội bộ khu dịch vụ tổng hợp; hoạt động của các thiết bị kỹ thuật như máy phát điện dự phòng, máy bơm...; tiếng ồn từ các hoạt động vui chơi, giải trí.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh lưu động có dung tích chứa khoảng 500 lít đặt tại khu vực công trường thi công để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường. Sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bốc dỡ nhà vệ sinh di động.

- Đối với nước thải xây dựng:

+ Không tập trung nguyên vật liệu, vật tư gần các tuyến thoát nước.

+ Lót đáy khu vực trộn bê tông.

+ Bố trí hố lắng có lót bạt kích thước 1,5 x 1,5 x 1,2m để thu gom nước vệ sinh dụng cụ. Sau quá trình xây dựng tiến hành hoàn trả mặt bằng, lấp hố lắng.

- Đối với nước mưa chảy tràn
- + Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm và hố lắng có kích thước $1,5m \times 1,5m \times 1,2m$.
- + Thường xuyên nạo vét các rãnh, mương thoát nước trong thời gian thi công tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thoát nước của dự án.
- + Thu gom triệt để chất thải sinh hoạt trong khu vực.
- + Che phủ các điểm chứa nguyên vật liệu, máy móc để tránh nước mưa chảy tràn cuốn theo dầu mỡ, nguyên vật liệu... vào các điểm tiếp nhận.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Đối với nước thải sinh hoạt:
- + Nước thải đen của dự án sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại cùng với nước thải xám được dẫn qua hệ thống xử lý nước thải tập trung sử dụng công nghệ AO, công suất $20 m^3/\text{ngày đêm}$.
- + Tóm tắt quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải $\rightarrow$ Bể thu gom $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể sinh học thiếu khí $\rightarrow$ Bể sinh học hiếu khí $\rightarrow$ Bể lắng sinh học $\rightarrow$ Khử trùng $\rightarrow$ Hố ga $\rightarrow$ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột A) sau đó theo đường ống HDPE D300 dẫn ra sông Sơn cách dự án 30m. Điểm xả thải có tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106^0 múi chiều 3^0 như sau: X(m): 1949976,40; Y(m): 538398,17.

- Đối với nước mưa chảy tràn
- + Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, được bố trí dọc tuyến đường và dọc ranh giới dự án chảy vào 3 cửa xả sau đó thoát về vùng thấp trũng.
- + Hệ thống thu gom nước mưa được thu gom bằng hệ thống rãnh B400 đến B800, cống ngầm D400 đến D600 bố trí dọc theo các bãi xe, tuyến đường dạo và dọc ranh giới dự án. Độ dốc đảm bảo thoát nước theo quy chuẩn hiện hành. Cống thoát nước sử dụng cống bê tông ly tâm. Nước mưa được thu gom và thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được bổ sung, sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Che phủ kín thùng xe vận chuyển để hạn chế khả năng bụi cuốn, rơi vãi, đồng thời làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành;

- Bố trí lịch vận chuyển, cung cấp vật tư hợp lý, không tập trung xe vận chuyển vào giờ cao điểm trên tuyến đường từ khu vực dự án ra các tuyến đường xung quanh để hạn chế sự cộng hưởng nồng độ khí thải do quá trình phát thải từ động cơ, bụi cuốn bánh xe.

- Xe vận chuyển phục vụ dự án phải thực hiện đúng quy định về tải trọng khi lưu thông và tuân thủ biển báo tốc độ, luật an toàn giao thông, không chế tốc độ xe khi ra vào dự án.

- Bố trí xe tưới nước phun ẩm đoạn đường vào khu vực dự án, dọc theo các tuyến đường vận chuyển phục vụ thi công dự án đoạn đi qua khu dân cư. Tần suất phun ẩm phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, tăng tần suất phun ẩm vào những ngày thời tiết nắng to, khô hanh, nhiều gió.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị lao động như kính mắt, khẩu trang, găng tay... để đảm bảo sức khỏe lao động.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được đăng kiểm để giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm lượng khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển.

- Phun ẩm tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường, tần suất phun ẩm phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể, tăng tần suất phun ẩm vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Tăng cường trồng cây xanh trong khu vực Dự án để tạo cảnh quan cho dự án.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực dự án, nhất là ở khu vực nhà vệ sinh, khu vực chứa rác.

- Chất thải được chứa trong các thùng kín nhằm hạn chế mùi hôi phát tán.

- Hệ thống xử lý nước thải xây dựng kín nhằm hạn chế phát sinh mùi. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước. Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

4.1.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo theo quy định tại những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành, đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng loại 120 lít có nắp đậy tại khu vực dự án để thu gom, phân loại chất thải phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà tự thu gom vào các thùng chứa rác theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường khác

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng: Các chất thải rắn từ quá trình phát quang cây cối, thảm thực vật chủ dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải rắn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng, tái chế như sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đất, cát, xi măng, gạch vỡ... được thu gom và tận dụng cho hoạt động xây dựng. Các loại không tận dụng được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định. Chất thải xây dựng phải được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng có nắp đậy tại các khu vực chức năng của dự án để thu gom, phân loại chất thải phát sinh. Tuyên truyền cán bộ công nhân viên và khách hàng thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý định kỳ theo đúng quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được bổ sung, sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong các thùng chất thải nguy hại loại 90 lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, không phát tán ra môi trường.

- Các thùng chứa chất thải nguy hại được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời trên công trường có diện tích 5m². Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bằng tôn, có biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để định kỳ đưa đi xử lý theo đúng quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng loại 120 lit có nắp đậy kín và dán nhãn theo quy định.

- Thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn, không để lẫn chất thải nguy hại với các chất thải khác.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo đúng quy định

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được bổ sung, sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy thi công hiện đại, đã được đăng ký đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép.

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật nhằm hạn chế khả năng gây ồn và rung do thiết bị thi công tạo ra.

- Lập kế hoạch thi công hợp lý, thực hiện phân công công việc phù hợp, không tập trung các phương tiện, máy móc hoạt động cùng lúc tại một vị trí thi công nhằm hạn chế phát sinh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn phải trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo cho công nhân làm việc.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Bố trí nhân viên điều phối xe ở khu vực bãi đỗ xe.

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc thiết bị như máy phát điện, máy bơm nước...

- Giám sát các phương tiện động cơ khi lưu thông trong khuôn viên dự án, tuân thủ tốc độ khi đi trong các tuyến đường nội bộ của dự án.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại dự án; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, nhân viên của dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng, sạt lở: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng. Bên cạnh đó, phối hợp với địa phương và đơn vị quản lý hành lang bờ sông để gia cố các vị trí xung yếu dễ gây sạt lở xói mòn và thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường đảm bảo không để xảy ra tình trạng sạt lở bờ sông.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 Phụ lục của Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.2.1. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, NO₂, SO₂, CO, bụi, tiếng ồn, độ rung.
- Vị trí giám sát K₁: Tại khu vực phía Nam dự án
- Vị trí giám sát K₂: Tại khu vực trung tâm dự án
- Tần suất giám sát: Khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2.2. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được bổ sung, sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT

5.2.3. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục trong quá trình thi công.

5.3. Giám sát trong giai đoạn hoạt động

5.3.1. Giám sát chất lượng nước thải:

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng Coliform, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.

- Vị trí lấy mẫu phân tích: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Tần suất giám sát: Khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột A).

5.3.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Vị trí: Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Thông số: Tổng khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (danh mục, mã chất thải) phát sinh; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Tần suất: Thường xuyên và liên tục.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định liên quan.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành trước khi triển khai xây dựng dự án; công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được bổ sung, sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định; Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại do hoạt động của dự án gây ra.

- Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý và giám sát theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, các công trình xây dựng và đời sống kinh tế, xã hội của cộng đồng dân cư trong quá trình thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của dự án; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án; Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

- Thực hiện các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của dự án đến các hoạt động giao thông; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án. Thực hiện cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định; Chỉ được đưa dự án vào vận hành sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định./.